TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Hải.

2. Ông Danh Út Nhỏ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2023, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 27/2023/TB-TA, ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Lương Bích H - sinh năm 1999, có mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Danh H1 - sinh năm 1996, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ1, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Lương Bích H như sau:

Bà kết hôn với ông Danh H1 vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G vào ngày 16/9/2020.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chồng bà thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn nên vợ

chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm yêu thương gì đối với ông Danh H1 nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh H1.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung tên Trần Thị Thùy L – sinh ngày 19/7/2017 hiện nay bà đang nuôi dưỡng và Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021, hiện nay chồng bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng bà không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Danh H1.

Về con chung: Bà xin nuôi 02 người con chung tên Trần Thị Thùy L – sinh ngày 19/7/2017 và Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021. Bà không yêu cầu ông Danh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2023, bị đơn ông Danh H1 trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà H, về con chung ông xin nuôi con chung tên Danh Thanh Phong – sinh ngày 23/01/2021 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung ông và bà H có cầm cố sổ bảo hiểm xã hội bằng 66.000.000 đồng cho một người quen ở Bình Dương nhưng ông không biết họ tên và địa chỉ chính xác, hiện ông đã trả cho người này được 16.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng, ông yêu cầu chia đôi mỗi bên phải chịu trả 25.000.000 đồng.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Lương Bích H.

Về con chung: Ông xin nuôi con chung tên Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Yêu cầu chia đôi số nợ 50.000.000 đồng, mỗi bên phải chịu trả 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Lương Bích H cương quyết ly hôn với ông Danh H1 và xin nuôi hai người con chung tên Trần Thị Thùy L – sinh ngày 19/7/2017 và Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021. Bà không yêu cầu ông Danh

H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện, tuy nhiên vụ án bị vi phạm về thời hạn; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Trần Lương Bích H được ly hôn với ông Danh H1. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Trần Thị Thùy L – sinh ngày 19/7/2017 và Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021 cho bà Trần Lương Bích H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Danh H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông H1 vắng mặt 02 lần không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Danh H1.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã xã Đ, huyện G, tỉnh K. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98, ngày 16/9/2020, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân

của bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 là hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà có hai người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Trần Lương Bích H cho rằng do ông Danh H1 hay ăn nhậu, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình bà khuyên can nhiều lần nhưng ông H1 không sửa đổi nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân bà và ông Danh H1 không liên lạc với nhau nên không tự hàn gắn được. Tuy ông Danh H1 không đồng ý ly hôn và cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng ông không có động thái nào hàn gắn cuộc hôn nhân của ông bà. Ngày 08/5/2023 và ngày 25/5/2023, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Danh H1 vắng mặt và bà Trần Lương Bích H cương quyết ly hôn với ông Danh H1. Xét thấy, vợ chồng bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 đã sống ly thân với nhau tính đến ngày xét xử là gần 01 năm. Trong thời gian này, ông Danh H1 và bà Trần Lương Bích H không tìm được tiếng nói chung, bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 không liên lạc với nhau cho thấy ông bà không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Tại phiên tòa, bà Trần Lương Bích H cương quyết xin ly hôn với ông Danh H1 và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Danh H1, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Lương Bích H.

[4] Về con chung: Bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 có 02 người con chung tên tên Trần Thị Thùy L – sinh ngày 19/7/2017 hiện nay bà đang nuôi dưỡng và Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021 hiện nay ông H1 đang nuôi dưỡng.

Bà Trần Lương Bích H xin nuôi cả 02 người con chung tên Trần Thị Thùy L – sinh ngày 19/7/2017 và Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021, bà không yêu cầu ông Danh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Danh H1 xin nuôi con chung tên Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại thời điểm xét xử cháu Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021 chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần được sự chăm sóc của người mẹ. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi” nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Linh và Ph cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của bà Trần Lương Bích H.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Lương Bích H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về nợ chung: Ông Danh H1 yêu cầu chia đôi số nợ 50.000.000 đồng, ông và bà H mỗi người phải chịu trả 25.000.000 đồng. Tòa án đã ngừng phiên tòa và thông báo bằng văn bản cho ông Danh H1 làm đơn yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật nhưng ông ông Danh H1 không thực hiện, vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Bà Trần Lương Bích H không yêu cầu đối với nợ chung nên Hội đồng xét xử miễn xét. Ông Danh H1 có quyền làm đơn kiện yêu cầu chia nợ chung sau ly hôn khi phát sinh tranh chấp.

[8] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Trần Lương Bích H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006646, ngày 28/02/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Trần Lương Bích H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lương Bích H.

Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Lương Bích H và ông Danh H1 được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao hai cháu Trần Thị Thùy L – sinh ngày 19/7/2017 và Danh Thanh Ph – sinh ngày 23/01/2021 cho bà Trần Lương Bích H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Danh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông Danh H1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Danh H1 có quyền làm đơn kiện yêu cầu chia nợ chung sau ly hôn khi phát sinh tranh chấp.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Lương Bích H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006646, ngày 28/02/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang